

Số: 58 /BC-ĐHHL

Ninh Bình, ngày 25 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát tình hình việc làm và đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của sinh viên tốt nghiệp năm 2020

Thực hiện công văn số 3943/BGDĐT-GDĐH ngày 31/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp.

Thực hiện Kế hoạch số 176/KH-ĐHHL ngày 26/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, Nhà trường xin được báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm và đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của sinh viên tốt nghiệp năm 2020 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

1. Thuận lợi

- Công tác khảo sát được tiến hành một cách nghiêm túc, theo đúng kế hoạch.
- Công tác thu thập thông tin luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự tạo điều kiện của các đơn vị trong và ngoài Nhà trường, của cựu sinh viên.

2. Khó khăn

- Số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp phân tán ở khắp các địa phương trên toàn quốc nên rất khó khăn trong công tác điều tra, khảo sát.
- Nhiều sinh viên sau khi ra trường đã thay đổi số điện thoại, địa chỉ liên lạc cá nhân. Địa chỉ lưu trong hồ sơ là địa chỉ gia đình, trong khi đó nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp đi làm xa nhà nên rất khó khăn trong việc liên lạc.
- Số liệu chỉ mang tính chất tương đối vì một số sinh viên không thực sự quan tâm đến việc gửi phản hồi thông tin theo đề nghị.
- Công tác thu thập chủ yếu liên lạc qua đường điện thoại trực tiếp nên mất nhiều thời gian để xử lý thông tin.
- Đa phần sinh viên mới ra trường chưa ổn định công tác, vẫn còn tâm lý e ngại trong việc thực hiện các phiếu khảo sát.

- Nhiều sinh viên ngoại tỉnh nên việc thống kê địa chỉ công tác và gửi phiếu khảo sát để thu thập thông tin khó khăn, mất nhiều thời gian.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT LẤY THÔNG TIN

1. Công tác chỉ đạo điều tra, khảo sát

Nhà trường đã chỉ đạo Phòng Chính trị & Công tác học sinh, sinh viên phối hợp với các khoa khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp từ tháng 6 năm 2020.

Thời gian tiến hành khảo sát: Từ 01/11/2021- 23/12/2021.

Chuyên viên Phòng Chính trị & Công tác sinh viên phối hợp với cán bộ quản lý sinh viên (giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm, đội ngũ cộng tác viên) các khoa cập nhật thông tin lập danh sách (tên, lớp, năm tốt nghiệp, ngành học, bậc học, địa chỉ liên lạc...) của các cựu sinh viên.

2. Tổ chức hội nghị góp ý nội dung phiếu điều tra khảo sát

- Khảo sát tình hình việc làm của sinh viên có các nội dung sau:

+ Các thông tin về sinh viên: tên, lớp, năm tốt nghiệp, ngành học, bậc học, xếp loại tốt nghiệp;

+ Tình hình việc làm hiện nay;

+ Mức thu nhập hiện nay của sinh viên;

+ Đánh giá của sinh viên về khả năng đáp ứng với công việc đang làm;

+ Khảo sát mức độ phù hợp của chương trình đào tạo với công việc đang làm hiện nay của sinh viên;

+ Ý kiến phản hồi của sinh viên về kiến thức, kỹ năng cần được trang bị trong các chương trình đào tạo cũng như các kỹ năng cần thiết để tìm kiếm việc làm và tiếp cận công việc.

- Khảo sát đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất có nội dung sau:

+ Đánh giá về đội ngũ giảng viên;

+ Đánh giá về cơ sở vật chất;

+ Các ý kiến đề xuất.

Thang đo 5 mức độ:

Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

3. Triển khai phiếu khảo sát tới sinh viên

Gửi phiếu khảo sát qua đường bưu điện (đối với sinh viên có địa chỉ làm việc cụ thể), E-mail, Facebook và thông qua Cổng thông tin điện tử Nhà trường.

Phối hợp với giáo vụ, giáo viên chủ nhiệm các khoa phòng vấn trực tiếp sinh viên thông qua điện thoại, E-mail, Facebook,...

III. KẾT QUẢ

1. Về tình hình việc làm

1.1. Tình trạng việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Tổng số sinh viên sau tốt nghiệp: 196 sinh viên (*Theo Quyết định số: 341/QĐ-ĐHHL ngày 10/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy năm 2020 và Quyết định số: 418/QĐ-ĐHHL ngày 11/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư về việc công nhận tốt nghiệp và cấp Bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy đợt 2 năm 2020*).

Tổng số sinh viên đã khảo sát: 173 sinh viên đã phản hồi (*Phụ lục 1*).

Trong đó:

- Có việc làm: 153/173 sinh viên (chiếm 88,43%);
- Chưa có việc làm: 20 sinh viên (chiếm 11,57%);
- Thu nhập bình quân của sinh viên/tháng: từ 4 triệu trở lên;
- Làm đúng ngành đào tạo: 118 sinh viên (chiếm 77,12%);
- Làm liên quan đến ngành đào tạo: 20 sinh viên (chiếm 13,07%);
- Làm không liên quan đến ngành đào tạo: 15 sinh viên (chiếm 9,8%).

1.2. Khu vực việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

- Khu vực nhà nước: 80 sinh viên (chiếm 52,29%);
- Khu vực tư nhân: 70 sinh viên (chiếm 45,75 %);
- Khu vực có yếu tố nước ngoài: 2 sinh viên (chiếm 1.3%);
- Tự tạo việc làm: 1 sinh viên (chiếm 0,65%).

1.3. Tổng hợp kết quả khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp (*Phụ lục 2*)

2. Đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất

2.1. Đánh giá về đội ngũ đội ngũ giảng viên (Phụ lục 3).

2.2. Đánh giá về cơ sở vật chất (Phụ lục 3).

3. Mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp

- Về giảng viên: Giảng viên cần đổi mới phương pháp hơn nữa đặc biệt là sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên, tăng cường hướng dẫn sinh viên hoạt động nhóm, tăng cường trao đổi giữa giảng viên và sinh viên về các vướng mắc gặp phải trong các môn học.

- Về cơ sở vật chất: Đa số ý kiến sinh viên cho rằng về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của các môn học xong vẫn có một số ý kiến cho rằng Nhà trường cần tăng cường hơn nữa việc sử dụng và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại trong giảng dạy và thực hành.

- Về ngoại ngữ và tin học: Nhà trường cần có các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo về ngoại ngữ, tin học cho sinh viên.

- Về hoạt động ngoại khóa: Nhiều sinh viên đề nghị Nhà trường cần đa dạng hóa đồng thời nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động phục vụ cộng đồng, văn hóa-văn nghệ, thể dục-thể thao, trải nghiệm thực tế cho sinh viên.

- Về cơ hội việc làm: Nhà trường cần tăng cường công tác hướng nghiệp, tổ chức các hội nghị giới thiệu việc làm, tăng cường kỹ năng cho sinh viên đặc biệt là các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình,.. Tăng cường phối hợp giao lưu, liên kết với các doanh nghiệp, nhà sử dụng lao động để nắm bắt thông tin tuyển dụng nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội tìm kiếm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

Đánh giá chung:

Số liệu khảo sát thu được là tương đối đảm bảo khách quan, đáng tin cậy. Tỷ lệ sinh viên phản hồi có việc làm là tương đối cao (88,43%). Về cơ bản các sinh viên có việc làm đều đáp ứng được với yêu cầu công việc, cũng như kiến thức nghề nghiệp. Hầu hết sinh viên đều có phẩm chất đáng tin cậy, có trách nhiệm với công việc, trung thực, ý thức tổ chức kỷ luật tốt. Đa số sinh viên được hỏi đều đánh giá đội ngũ giảng viên nhiệt tình, tâm huyết, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt (tỷ lệ hài lòng đối với giảng viên là 86,56%). Các sinh viên

cũng đánh giá cao cơ sở vật chất của Nhà trường (tỷ lệ hài lòng là 75,03%).

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm và đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của sinh viên sau tốt nghiệp của Trường Đại học Hoa Lư năm 2020.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc Nhà trường;
- Lưu: VT, CT&CTHSSV.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



ThS. Phạm Quang Huân



PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020 PHẢN HỒI

(Kèm theo Báo cáo số: 58/BC-ĐHHL ngày 25 tháng 4 năm 2022)

về kết quả khảo sát tình hình việc làm và đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của sinh viên tốt nghiệp năm 2020)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Giới tính	Tình hình việc làm					Khu vực làm việc				Nơi làm việc(Tỉnh/TP)
				Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài	
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
1	2052020040	Đinh Thị Biên	Nữ	x					x				Ninh Bình
2	2052020041	Nguyễn Thị Diễm	Nữ			x				x			Hải Phòng
3	2052020042	Nguyễn Thị Dịu	Nữ	x					x				Nam Định
4	2052020044	Đinh Thị Giang	Nữ			x				x			Ninh Bình
5	2052020046	Ninh Thị Hà	Nữ	x					x				Quảng Bình
6	2052020045	Đoàn Thị Hà	Nữ	x					x				Ninh Bình
7	2052020047	Vũ Thị Nguyệt Hằng	Nữ	x					x				Ninh Bình
8	2052020048	Trần Thị Thu Hiền	Nữ					x					
9	2052020050	Phan Thị Hồng	Nữ	x					x				Ninh Bình
10	2052020054	Đỗ Thị Hương	Nữ	x					x				Ninh Bình
11	2052020051	Đinh Thị Thu Huyền	Nữ	x					x				Đồng Nai
12	2052020052	Phạm Thị Huyền	Nữ	x					x				Ninh Bình
13	2052020055	Lê Thị Thanh Lam	Nữ	x					x				Ninh Bình
14	2052020056	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	x					x				Ninh Bình
15	2052020057	Trịnh Thị Mỹ Linh	Nữ	x					x				Ninh Bình
16	2052020058	Cao Đại Lộc	Nam		x				x				Ninh Bình
17	2052020060	Cao Thị Thủy Ngân	Nữ			x				x			Ninh Bình
18	2052020061	Vũ Thị Thanh Nhân	Nữ	x					x				Ninh Bình

19	2052020063	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	x					x				Ninh Bình
20	2052020065	Cao Thị Kim Oanh	Nữ	x					x				Hà Nội
21	2052020066	Mai Hữu Phước	Nam	x					x				Ninh Bình
22	2052020067	Cao Thanh Sơn	Nam		x				x				Ninh Bình
23	2052020069	Cao Ngọc Thanh	Nam	x					x				Ninh Thuận
24	2052020070	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	x					x				Ninh Bình
25	2052020071	Phạm Thị Phương Thảo	Nữ	x					x				Ninh Bình
26	2052020072	Tô Thị Hoài Thu	Nữ	x						x			Ninh Bình
27	2052020074	Trịnh Thị Thúy	Nữ	x					x				Ha Nội
28	2052020073	Phạm Thị Minh Thúy	Nữ	x					x				Lai Châu
29	2052020068	Hoàng Anh Tiến	Nam	x					x				Ninh Bình
30	2052020077	Phạm Thị Kiều Trang	Nữ	x					x				Nam Định
31	2052020076	Trần Thị Thu Trang	Nữ	x					x				Hà Nội
32	2052020078	Đinh Thị Huyền Trang	Nữ	x					x				Quảng Bình
33	2052020001	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	x					x				Ninh Bình
34	2052020000	Trịnh Thị Vân Anh	Nữ					x					
35	2052020002	Trần Thị Minh Ánh	Nữ	x					x				Ninh Bình
36	2052020004	Đào Sỹ Chiến	Nam	x					x				Ninh Bình
37	2052020006	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	x					x				Ninh Bình
38	2052020007	Phạm Thanh Hằng	Nữ	x					x				Ninh Bình
39	2052020008	Vũ Thu Hằng	Nữ	x					x				Ninh Bình
40	2052020009	Bùi Thu Hiền	Nữ	x					x				Ninh Bình
41	2052020010	Mai Phương Hoa	Nữ	x					x				Ninh Bình
42	2052020011	Lê Thị Hồng	Nữ	x					x				Ninh Bình
43	2052020014	Bùi Thị Hương	Nữ	x						x			Ninh Bình
44	2052020016	Vũ Thị Hường	Nữ	x					x				Ninh Bình
45	2052020013	Phạm Thị Thu Huyền	Nữ	x					x				Ninh Bình

46	2052020017	Lê Thị Lan	Nữ	x					x				Gia lai
47	2052020019	Vũ Thị Thùy Linh	Nữ	x					x				Tp.HCM
48	2052020020	Đinh Thị Ly Na	Nữ	x					x				Ninh Bình
49	2052020021	Đỗ Thị Hằng Nga	Nữ	x					x				Ninh Bình
50	2052020024	Đinh Phương Ngân	Nữ	x					x				Ninh Bình
51	2052020023	Nguyễn Thị Hồng Ngát	Nữ	x					x				Ninh Bình
52	2052020025	Nguyễn Yến Nhi	Nữ					x					
53	2052020026	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	x					x				Ninh Bình
54	2052020028	Cao Thu Phương	Nữ	x					x				Ninh Bình
55	2052020027	Trần Thị Phương	Nữ	x					x				Ninh Bình
56	2052020029	Đoàn Thị Minh Tâm	Nữ	x					x				Ninh Bình
57	2052020032	Lê Trung Thành	Nam	x					x				Ninh Bình
58	2052020031	Vũ Đức Thành	Nam	x					x				Ninh Bình
59	2052020033	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	x					x				Ninh Bình
60	2052020034	Phạm Thị Thu Thảo	Nữ	x					x				Ninh Bình
61	2052020035	Nguyễn Trần Hưng Tiến Thịnh	Nam	x					x				Ninh Bình
62	2052020037	Ngô Thị Thu Trang	Nữ	x					x				Ninh Bình
63	2052020038	Phạm Tú Uyên	Nữ	x					x				Ninh Bình
64	2052020039	Hà Hải Yến	Nữ	x					x				Ninh Bình
65	2052010683	Nguyễn Thị Thuý Linh	Nữ	x					x				Ninh Bình
66	2052010675	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Nữ	x					x				Ninh Bình
67	2052010673	Lại Thị Thùy Dung	Nữ	x					x				Ninh Bình
68	2052010685	Bùi Thị Thanh Mai	Nữ	x					x				Ninh Bình
69	2052010691	Bùi Thị Thu	Nữ	x						x			Hà Nội
70	2052010686	Lã Thị Phương Oanh	Nữ	x					x				Ninh Bình
71	2052010688	Hoàng Thị Phương Thảo	Nữ	x					x				Ninh Bình
72	2052010680	Nguyễn Thị Phương Khánh	Nữ	x					x				Ninh Bình

73	2052010671	Đinh Thị Phương Anh	Nữ	x						x			Nam Định
74	2052010678	Đỗ Thị Huệ	Nữ	x						x			Ninh Bình
75	2052010676	Nguyễn Thanh Hiền	Nữ	x						x			Ninh Bình
76	2052010681	Trịnh Thị Lệ	Nữ	x						x			Ninh Bình
77	2052010689	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	x					x				Ninh Bình
78	2052010682	Vũ Thị Liên	Nữ	x						x			Hà Nội
79	2052010695	Trần Thị Trinh	Nữ	x						x			Hà Nội
80	2052010670	Hoàng Thị Ngọc Anh	Nữ	x						x			Tp.HCM
81	2052010679	Phạm Thị Huyền	Nữ	x						x			Hà Nội
82	2052010690	Lê Thị Thơm	Nữ	x						x			Ninh Bình
83	2052010669	Tạ Thị Phương Anh	Nữ	x						x			Ninh Bình
84	2052010694	Lê Huyền Trang	Nữ	x						x			Ninh Bình
85	2052010692	Đinh Thị Thanh Thủy	Nữ	x					x				Ninh Bình
86	2052010716	Trần Thị Lan Anh	Nữ	x						x			Ninh Bình
87	2052010684	Cao Thị Lưu	Nữ					x					
88	2052010687	Trương Thị Phụng	Nữ	x					x				Ninh Bình
89	2052010708	Phạm Thị Hà	Nữ	x					x				Ninh Bình
90	2052010704	Quách Thị Dung	Nữ	x						x			Ninh Bình
91	2052010723	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	x						x			Ninh Bình
92	2052010718	Phạm Thị Mai	Nữ	x						x			Ninh Bình
93	2052010699	Nguyễn Thị Châm Anh	Nữ	x						x			TPHCM
94	2052010703	Đinh Thị Kiều Diễm	Nữ	x						x			Ninh Bình
95	2052010697	Đinh Thị Mỹ Anh	Nữ					x					
96	2052010716	Tổng Thị Ngọc Lê	Nữ	x						x			Ninh Bình
97	2052010700	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	x						x			Ninh Bình
98	2052010707	Đinh Thị Thùy Dương	Nữ	x					x				Ninh Bình
99	2052010714	Trịnh Thị Lan Hương	Nữ	x					x				Ninh Bình

100	2052010725	Mai Thị Thu Trang	Nữ	x					x			Ninh Bình
101	2052010715	Nguyễn Thị Hường	Nữ			x				x		Ninh Bình
102	2052010713	Trần Thị Huyền	Nữ		x					x		Hà Nội
103	2052010701	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	x					x			Ninh Bình
104	2052010719	Trần Thị Kim Oanh	Nữ	x					x			Ninh Bình
105	2052010724	Phạm Thị Thương	Nữ	x						x		Hà Nội
106	1952010658	Vũ Thị Phụng	Nữ		x				x			Ninh Bình
107	2052010702	Bùi Thị Tuấn Anh	Nữ					x				
108	2052010710	Vũ Thị Thu Hiền	Nữ	x						x		Ninh Bình
109	2052010717	Ngô Thị Ngọc Loan	Nữ	x					x			Ninh Bình
110	2052010722	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	x						x		Ninh Bình
111	2052010726	Phan Thị Thu Trang	Nữ	x						x		Ninh Bình
112	2052010698	Bùi Thị Lan Anh	Nữ	x						x		Ninh Bình
113	2052130080	Nguyễn Xuân Thành	Nữ			x			x			Ninh Bình
114	2052130075	Hoàng Thị Thúy Hiền	Nữ	x					x			Ninh Bình
115	2052130077	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ					x				Ninh Bình
116	2052130074	Lê Thị Dung	Nam					x				Ninh Bình
117	2053010841	Đinh Vân Anh	Nữ		x				x			Ninh Bình
118	2053010876	Ngô Thị Hải Anh	Nữ		x					x		Hà Nội
119	2053010875	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	x						x		Ninh Bình
120	2053010842	Đinh Thị Vân Anh	Nữ		x					x		Hà Nội
121	2053010843	Bùi Thị Diễm	Nữ	x						x		Ninh Bình
122	2053010845	Lê Thị Dung	Nữ	x						x		Ninh Bình
123	2053010877	Phạm Thị Giang	Nữ			x				x		Thái Bình
124	2053010878	Nguyễn Hương Giang	Nữ	x						x		Ninh Bình
125	2053010879	Bùi Thị Kim Giang	Nữ	x						x		Ninh Bình
126	2053010847	Lê Thị Thu Hà	Nữ	x						x		Thừa Thiên Hu

127	2053010880	Phạm Mỹ Hạnh	Nữ					x					
128	2053010881	Lê Thị Thu Hiền	Nữ			x				x			Ninh Bình
129	2053010883	Phạm Ngọc Huê	Nữ			x					x		Ninh Bình
130	2053010886	Nguyễn Thế Hưng	Nam		x					x			Ninh Bình
131	2053010850	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ					x					
132	2053010887	Dương Thị Hường	Nữ					x					
133	2053010884	Trần Quang Huy	Nam	x							x		Ninh Bình
134	2053010889	Bùi Thị Khánh	Nữ		x					x			Ninh Bình
135	2053010854	Đinh Thị Linh	Nữ		x					x			Hà Nội
136	2053010856	Hà Thị Yến Linh	Nữ					x					
137	2053010893	Đinh Thị Khánh Linh	Nữ	x						x			Ninh Bình
138	2053010894	Đoàn Thuỳ Linh	Nữ	x						x			Ninh Bình
139	2053010857	Dương Thị Quỳnh Mai	Nữ	x						x			Ninh Bình
140	2053010858	Tạ Thị Minh	Nữ	x								x	Hà Nội
141	2053010905	Hoàng Hồng Minh	Nữ	x						x			Ninh Bình
142	2053010906	Nguyễn Thị Nga	Nữ					x					
143	2053010897	Đào Thị Kim Ngọc	Nữ			x				x			Ninh Bình
144	2053010860	Đinh Thị Ánh Nguyệt	Nữ	x						x			Ninh Bình
145	2053010896	Đinh Thị Nương	Nữ	x						x			Ninh Bình
146	2053010861	Đinh Thị Như Quỳnh	Nữ					x					
147	2053010869	Sounitar Sorphapmixay	Nữ	x					x				Lào
148	2053010873	Inthavongsa Souvanny	Nữ					x					
149	2053010901	Phạm Thanh Thanh	Nữ	x						x			Ninh Bình
150	2053010902	Đoàn Thị Phương Thảo	Nữ		x					x			Ninh Bình
151	2053010862	Nguyễn Thị Thu	Nữ					x					
152	2053010865	Vũ Thị Thương	Nữ	x						x			Ninh Bình
153	2053010900	Đặng Văn Tiền	Nam			x				x			Ninh Bình

154	2053010903	Hoàng Thị Trang	Nữ		x					x			Ninh Bình
155	2053010868	Vũ Thị Thu Uyên	Nữ			x				x			Hà Nội
156	1953010835	Trần Thị Yến	Nữ			x				x			Ninh Bình
157	2053010904	Lương Thị Hải Yến	Nữ					x					
158	2054020117	Đinh Duy Anh	Nam		x					x			Hà Nội
159	2054020116	Nguyễn Tuấn Anh	Nam		x					x			Ninh Bình
160	2054020120	Inthaseang Davone	Nam					x					
161	2054020121	Chanthala Duangchay	Nữ		x					x			Ninh Bình
162	2054020122	Nguyễn Thị Hòa	Nữ		x					x			Ninh Bình
163	2054020123	Nguyễn Thị Hà Linh	Nữ					x					
164	2054020125	Lê Hữu Sơn	Nam		x					x			Ninh Bình
165	2054020126	Chanphimmavong Sonephet	Nữ		x					x			Lào
166	2054020127	Pongkham Soudakone	Nữ		x				x				Lào
167	2054020128	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ		x					x			Ninh Bình
168	2051130188	Bùi Thị Diệp	Nữ			x			x				Ninh Bình
169	2051130190	Tạ Đức Hiếu	Nam		x					x			Ninh Bình
170	2051130199	Dương Thị Thơm	Nữ			x				x			Hà Nội
171	2051130197	Dương Thị Thanh Thu	Nữ	x						x			Ninh Bình
172	2051130198	Phạm Thanh Xuân	Nam				x	x					Ninh Bình
173	2051130196	Vũ Thị Thanh Thu	Nữ			x				x			Ninh Bình



PHỤ LỤC 2

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 58/BC-ĐHHL ngày 25 tháng 4 năm 2022

về kết quả khảo sát tình hình việc làm và đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của sinh viên tốt nghiệp năm 2020)

STT	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tổng số sinh viên tốt nghiệp	Khu vực làm việc				Nơi làm việc(Tỉnh/TP)
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm							
							Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	12	14	15	16	17	18	19
1	7140209	ĐH SP Toán	4	3	4	3	1	1			2	50,00	50,00	2				
2	7140202	ĐH SP Mầm non	54	54	48	48	42	2	1		3	93,75	85,33	18	27			
3	7140201	ĐH SP Tiểu học	70	60	64	52	56	2	3		3	95,30	87,40	56	5			
4	7340301	ĐH Kế toán	51	53	41	40	18	7	7		9	82,90	66,70		29	2	1	
5	7340101	ĐH Quản trị kinh doanh	10	6	10	6	0	8	0		2	80,00	80,00	3	5			
6	7310630	ĐH Việt Nam Học	7	4	6	4	1	0	4	1	1	83,33	71,42	1	4			
Tổng			196	180	173	153	118	20	15	1	20	88,43	78,06	80	70			



PHỤ LỤC 3

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN - CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA SINH VIÊN SAU TỐT NGHIỆP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 58/BC-DHHL ngày 25 tháng 4 năm 2022

về kết quả khảo sát tình hình việc làm và đánh giá về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất của sinh viên tốt nghiệp năm 2020)

I. Đánh giá về đội ngũ giảng viên

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ hài lòng										Tổng
		Rất không hài lòng		Không hài lòng		Bình thường		Hài lòng		Rất hài lòng		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	%
1	Đội ngũ giảng viên nắm vững kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ	2	1.156	1	0.58	12	6.94	103	59.54	55	31.79	91.33
2	Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm thực tế	2	1.156	0	0.00	16	9.25	101	58.38	54	31.21	89.60
3	Phương pháp giảng dạy phù hợp, hiện đại	2	1.156	3	1.73	30	17.34	84	48.55	54	31.21	79.77
4	Giảng viên có chú ý đến sự tương tác của người dạy và người học	2	1.156	0	0.00	23	13.29	84	48.55	64	36.99	85.55

II. Đánh giá về cơ sở vật chất

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ hài lòng										Tổng
		Rất không hài lòng		Không hài lòng		Bình thường		Hài lòng		Rất hài lòng		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	%
1	Giáo trình, tài liệu tham khảo đầy đủ, đa dạng	3	1.734	1	0.58	32	18.50	103	59.54	34	19.65	79.19
2	Thư viện, KTX đáp ứng tốt nhu cầu học tập và ăn ở của sinh viên	3	1.734	4	2.31	35	20.23	104	60.12	27	15.61	75.72
3	Trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập, NCKH đảm bảo, chất lượng	3	1.734	1	0.58	40	23.12	91	52.60	38	21.97	74.57
4	Thiết bị thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học đáp ứng được yêu cầu học tập	3	1.734	5	2.89	40	23.12	97	56.07	28	16.18	72.25
5	Cơ sở vật chất, trang thiết bị đủ điều kiện để phục vụ các hoạt động ngoại khóa	3	1.734	3	1.73	40	23.12	93	53.76	34	19.65	73.41